

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2020/HS-PT
Ngày 04 tháng 12 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Khang**

Các Thẩm phán:

Ông **Châu Văn Mỹ**

Ông **Lê Thanh Danh**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trần Tuấn Duy**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông **Quan Tuấn Nghĩa** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 99/2020/TLPT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Trần Quốc T cùng bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2020/HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **TRẦN QUỐC T**, sinh năm 1986, tại Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp L, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q (đã chết) và bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1950; bị cáo có vợ tên Nguyễn Mộng N, sinh năm 1984 và có 01 người con, sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020 cho tại ngoại, (có mặt).

2. Họ và tên: **THẠCH NAM Đ**, sinh năm 1981, tại Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Khóm L, Phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha: Không xác định, có mẹ là bà Thạch Thị P, sinh năm 1957; bị cáo có vợ tên Ngô Hồng H, sinh năm 1980 và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án, tiền

sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020 cho tại ngoại (*có mặt*).

3. Họ và tên: **QUÁCH VĂN T1**, sinh năm 1975, tại Cà Mau.

Nơi cư trú: Khóm B, Phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn Q, sinh năm 1933 và bà Lê Thị C, sinh năm 1936; bị cáo có vợ tên Lê Thị M, sinh năm 1981 và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020 cho tại ngoại (*có mặt*).

4. Họ và tên: **LA ANH T2**, sinh năm 1982, tại Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Ấp Đ A, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn R, sinh năm 1965 và bà Điều Thị L, sinh năm 1956; bị cáo có vợ nhưng đã ly hôn, có 01 người con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020 cho tại ngoại (*có mặt*).

5. Họ và tên: **THÁI HỒNG T3**, sinh năm 1967, tại Cà Mau.

Nơi cư trú: Khóm S, Phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Văn N, sinh năm 1937 và bà Dương Thị L, sinh năm 1942; bị cáo có vợ tên Dương Thị B, sinh năm 1968 và có 01 người con sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020 cho tại ngoại (*có mặt*).

6. Họ và tên: **DƯƠNG MỸ L**, sinh năm 1997, tại Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T, sinh năm 1969 và bà Trần Thị Di, sinh năm 1966; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020 cho tại ngoại (*có mặt*).

7. Họ và tên: **BÀNH VĂN N**, sinh năm 1977, tại Sóc Trăng.

Nơi cư trú: Khóm L, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bành C, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1947; bị cáo có vợ tên Châu Kim T, sinh năm 1977 và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/3/2020 đến ngày 05/3/2020 cho tại ngoại (*có mặt*).

- Người bào chữa cho bị cáo La Anh Tuấn và bị cáo Quách Văn T1: Ông **Nguyễn Duy Sơn** là Luật sư Văn Công ty TNHH MTV Luật Thái Sơn thuộc đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (*có mặt*).

- Người bào chữa cho các bị cáo Trần Quốc T; Bành Văn N; Thạch Nam Đ; Dương Mỹ L; Thái Hồng T3: Ông **Lê Văn Lâm** là Luật sư Công ty luật TNHH MTV Sài Gòn Mê Kông thuộc đoàn luật sư tỉnh Long An (có mặt).

- Bị cáo không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập: Bị cáo **Võ Thanh N1**, sinh năm 1977.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 50 phút ngày 17/02/2020 tại Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam thuộc ấp B A, xã V T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, Công an huyện Phước Long lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang đối với La Anh T2, Thạch Nam Đ, Thái Hồng T3, Trần Quốc T, Dương Mỹ L, Quách Văn T1 đang đánh bài thắng thua bằng tiền. Tang vật thu giữ tại chiếu bạc gồm có: 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; tiền Việt Nam 31.620.000 đồng và 03 (ba) điện thoại di động. Tạm giữ trên người Thái Hồng T3 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, tiền Việt Nam 3.900.000 đồng; Quách Văn T1 số tiền 4.680.000 đồng; Trần Quốc T số tiền 20.000 đồng; Dương Mỹ L số tiền 1.035.000 đồng; La Anh T2 số tiền 3.800.000 đồng, 01 điện thoại NOKIA màu đen; Ngô Thành T4 số tiền 4.000.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 6, 01 điện thoại OPPO, 01 điện thoại Samsung.

Quá trình điều tra chứng minh được: Vào khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 17/02/2020 Trần Quốc T đến Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam chi nhánh ấp B A, xã V T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu để mua bán Heo, tại căn phòng có chữ thú y có 01 bộ bài tây 52 lá. Trần Quốc T, Bành Văn N, Võ Thành N1 cùng 02 người khác đến mua Heo (không biết họ, tên, địa chỉ) mới bàn bạc đánh bài cào ba lá thắng thua bằng tiền, tất cả thống nhất, 05 người cùng tham gia đánh bài với nhau (không ai tổ chức, không ai lấy xâu). Hình thức đánh bạc là dùng bài tây 52 lá, chơi loại bài cào ba lá đếm nút, mỗi ván bài gồm một người làm cái còn lại bốn người đặt tụ, người đặt tụ trực tiếp xác định thắng thua với người làm cái, đặt mỗi ván bài 10.000 đồng, tham gia đánh bài đến khoảng 14 giờ 50 phút thì tất cả nghỉ, trên chiếu bạc lúc này chỉ còn lại T, N, N1 nhưng không xác định được số tiền dùng đánh bạc là bao nhiêu. Sau đó có Quách Văn T1, Thạch Nam Đ, Dương Mỹ L, La Anh T2 vào tham gia đánh bài cùng với T, N, N1 tại địa điểm ban đầu. Trước khi tham gia đánh bài tất cả thỏa thuận mỗi tụ bài được đặt cao nhất không quá 1.000.000 đồng, thấp nhất 50.000 đồng, vẫn tiếp tục tham gia đánh bài thắng thua như ban đầu gồm 01 tụ làm cái (do T làm cái, N đặt tụ và ngược lại), 03 đặt tụ (gồm N1, Đ, T2) còn L và T1 là người ké thanh. Tất cả tham gia đánh bài được khoảng 04 ván bài thì N1 nghỉ tham gia (do tới tài (lướt) cân heo), khi N1 vừa đi ra thì có T3 đi vào và ngồi vào vị trí của N1 đánh bài cho đến khi Công an vào bắt quả tang.

Số tiền dùng đánh bạc của các bị cáo thể hiện như sau: Trần Quốc T mang theo 25.620.000 đồng (lúc ban đầu sử dụng mục đích đánh bạc 600.000

đồng), sử dụng mục đích đánh bạc 25.600.000 đồng, thua 2.800.000 đồng, bỏ tại chiếu bạc 22.800.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trên người 20.000 đồng; Bành Văn N mang theo 300.000 đồng, sử dụng mục đích đánh bạc 300.000 đồng, thua 300.000 đồng; Võ Thanh N1 mang theo 300.000 đồng, sử dụng mục đích đánh bạc 300.000 đồng, thua 300.000 đồng; Quách Văn T1 mang theo 3.000.000 đồng, sử dụng đánh bạc 3.000.000 đồng, quá trình đánh thắng được 1.780.000 đồng, bỏ tại chiếu bạc 100.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trên người 4.680.000 đồng; Thạch Nam Đ mang theo 3.000.000 đồng, sử dụng mục đích đánh bạc 3.000.000 đồng, thua 500.000 đồng, bỏ lại chiếu bạc 2.500.000 đồng; Dương Mỹ L mang theo 235.000 đồng, sử dụng mục đích đánh bạc 200.000 đồng, thắng 850.000 đồng, bỏ tại chiếu bạc 50.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trên người 1.035.000 đồng; La Anh T2 mang theo 3.900.000 đồng, sử dụng mục đích đánh bạc 300.000 đồng, quá trình đánh thắng 300.000 đồng, bỏ lại chiếu bạc 400.000 đồng, khi bị bắt trên người còn 3.800.000 đồng; Thái Hồng T3 mang theo 6.200.000 đồng, sử dụng mục đích đánh bạc 6.200.000 đồng, quá trình đánh thua 1.800.000 đồng, bỏ lại chiếu bạc 500.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trên người 3.900.000 đồng.

Số tiền dùng vào việc đánh bạc trái phép của các bị cáo Trần Quốc T, Bành Văn N, Quách Văn T1, Thạch Nam Đ, Dương Mỹ L, La Anh T2, Thái Hồng T3 là 41.400.000 đồng. Số tiền dùng vào việc đánh bạc của bị cáo Võ Thanh N1 là 5.700.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2020/HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo: Trần Quốc T; Bành Văn N; Võ Thanh N1; Quách Văn T1; Thạch Nam Đ; Dương Mỹ L; La Anh T2; Thái Hồng T3, phạm tội “Đánh bạc”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quốc T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt có đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020;

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bành Văn N 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt có đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/3/2020 đến ngày 05/3/2020;

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Quách Văn T1 01 (một) năm tù; thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt có đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020;

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Thạch Nam Đ 10 (mười) tháng tù; thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt có đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020;

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo La Anh T2 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt có đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020;

7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Thái Hồng T3 01 (một) năm tù; thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt có đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020;

8. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Dương Mỹ L 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt có đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020.

9. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Võ Thanh N1 phạt tiền là hình phạt chính với số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/9/2020 bị cáo Trần Quốc T kháng cáo xin được giảm án và hưởng án treo; ngày 07/9/2020 các bị cáo Thạch Nam Đ, Quách Văn T1, Bành Văn N, Thái Hồng T3 kháng cáo xin được giảm án và được hưởng án treo; ngày 10/9/2020 bị cáo La Anh T2 kháng cáo xin được hưởng án treo, ngày 11/9/2020 bị cáo Dương Mỹ L Kháng cáo xin được hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận và đưa ra xét xử là đúng quy định.

Về nội dung: Các bị cáo Trần Quốc T; Bành Văn N; Quách Văn T1; Thạch Nam Đ; Dương Mỹ L; La Anh T2; Thái Hồng T3 cùng bị cáo Võ Thanh N1 thực hiện hành vi đánh bạc thắng, thua với nhau bằng tiền. Số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 41.400.000 đồng (riêng bị cáo N1 là 5.700.000 đồng). Do đó, bản án hình sự sơ thẩm số 25/2020/HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên bố các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng người đúng tội. Khi quyết định hình phạt bản án sơ thẩm đã có xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định của pháp luật. Từ đó, xử phạt bị cáo Trần Quốc T 01 năm 03 tháng tù, bị cáo Bành Văn N 09 tháng tù, bị cáo Quách Văn T1 01 năm tù, bị cáo Thạch Nam Đ 10 tháng tù; bị cáo La Anh T2 09 tháng tù; bị cáo Thái Hồng T3 01 năm tù và bị cáo Dương Mỹ L 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới so với án sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng

hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm về hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo La Anh T2 và bị cáo Quách Văn T1 trình bày: Các bị cáo chỉ nhất thời thực hiện hành vi phạm tội, không có mục đích vụ lợi. Hơn nữa, bị cáo T2 bị bệnh, bị cáo T1 có cha, mẹ là người có công với cách mạng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo La Anh T2 và bị cáo Quách Văn T1 được hưởng án treo.

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Quốc T; Bành Văn N; Thạch Nam Đ; Dương Mỹ L và bị cáo Thái Hồng T3 trình bày: Bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo mức án quá nghiêm khắc. Bồi lẽ, các bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, thành khẩn khai báo góp phần làm sáng tỏ sự thật của khách quan của vụ án. Về nhân thân, các bị cáo chưa tiền án, tiền sự, là lao động chính, hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều rất khó khăn; riêng bị cáo Linh đang mang thai. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo, trong trường hợp không chấp nhận cho các bị cáo được hưởng án treo thì áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Quốc T; Bành Văn N; Quách Văn T1; Thạch Nam Đ; Dương Mỹ L; La Anh T2; Thái Hồng T3 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ chấp nhận. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Ngày 17/02/2020, tại Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam thuộc ấp B A, xã V T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, các bị cáo Trần Quốc T; Bành Văn N; Quách Văn T1; Thạch Nam Đ; Dương Mỹ L; La Anh T2; Thái Hồng T3 cùng Võ Thanh N1 thực hiện hành vi đánh bài để thắng thua bằng tiền; đến 15 giờ 50 phút cùng ngày bị Công an huyện Phước Long lập biên bản bắt quả tang. Quá trình đánh bạc bị cáo T và bị cáo N thay phiên nhau làm nhà cái, tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc phải chịu trách nhiệm hình sự là 41.400.000 đồng. Riêng số tiền chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo Võ Thanh N1 là 5.700.000 đồng.

[2] Với số tiền dùng vào việc đánh bạc như đã nêu trên bản án hình sự sơ thẩm số 25/2020/HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên bố các bị cáo Trần Quốc T; Bành Văn N; Quách Văn T1; Thạch Nam Đ; Dương Mỹ L; La Anh T; Thái Hồng T3, phạm tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo La Anh T2, Dương Mỹ L, kháng cáo xin giảm án và hưởng án treo của các bị cáo Trần Quốc T, Bành Văn N, Thạch Nam Đ, Thái Hồng T3 và bị cáo Quách Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Vì mục đích vụ lợi cá nhân, các bị cáo Trần Quốc T; Bành Văn N; Quách Văn T1; Thạch Nam Đ; Dương Mỹ L; La Anh T2; Thái Hồng T3 đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi đánh bạc ăn thua, sát phạt lẫn nhau. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm. Khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng và xem xét đến vai trò, số tiền dùng vào việc đánh bạc của từng bị cáo. Từ đó, đã xử phạt mức án tù tương xứng với vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Đồng thời cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là điều cần thiết, có như thế mới có thể răn đe, giáo dục các bị cáo cũng như có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Giai đoạn xét xử phúc thẩm các bị cáo không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới so với bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm án và xin được hưởng án treo của các bị cáo.

[4] Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận lời bào chữa của Luật sư cho các bị cáo; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Quốc T, Thạch Nam Đ, Quách Văn T1, La Anh T2, Bành Văn N, Dương Mỹ L, Thái Hồng T3 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Quốc T, Thạch Nam Đ, Quách Văn T1, La Anh T2, Bành Văn N, Dương Mỹ L, Thái Hồng T3, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2020/HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố các bị cáo: Trần Quốc T; Bành Văn N; Quách Văn T1; Thạch Nam Đ; Dương Mỹ L; La Anh T2; Thái Hồng T3, phạm tội “Đánh bạc”.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Trần Quốc T** 01 (một) năm tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Bành Văn N** 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/3/2020 đến ngày 05/3/2020.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Quách Văn T1** 01 (một) năm tù; thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Thạch Nam Đ** 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **La Anh T2** 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Thái Hồng T3** 01 (một) năm tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020.

9. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Dương Mỹ L** 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 26/02/2020.

10. Về án phí: Áp dụng các Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần Quốc T, Thạch Nam Đ, Quách Văn T1, La Anh T2, Bành Văn N, Dương Mỹ L, Thái Hồng T3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

11. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- CQTHA hình sự huyện Phước Long (01b);
- CQĐT huyện Phước Long (01b);
- VKSND huyện Phước Long (01b);
- TAND huyện Phước Long (02b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Chi cục THADS huyện Phước Long (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Các bị cáo (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Khang